

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2022/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Công H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số E, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: I-si Nam dong - K-ro 183 (K – dong 648 – 2), (K - dong), Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022; bản khai ngày 20/4/2022 và văn bản xin vắng mặt ngày 17/6/2022, nguyên đơn ông Huỳnh Công H trình bày như sau:

Ông Huỳnh Công H và bà Lê Thị Anh T1 tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 2015, sau đó hai bên tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2016 ngày 08/3/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vào khoảng tháng 8/2018 thì bà T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay không có trở về Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm hai bên phai nhạt dần, trong quan hệ vợ chồng không còn sự tin tưởng nhau nữa. Hiện tại ông bà vẫn còn liên lạc với nhau qua mạng xã hội, nhưng tình cảm hai bên không còn dành cho nhau nữa. Vì những nguyên nhân trên khiến ông H cảm thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Công H yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Anh T1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại công việc của ông bận rộn nên không thể tham gia vụ kiện. Do đó, ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa.

Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 19/7/2022, bị đơn bà Lê Thị Anh T1 trình bày:

Bà Lê Thị Anh T1 có biết về việc ông Huỳnh Công H có yêu cầu xin ly hôn với bà. Về hoàn cảnh kết hôn cũng như mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn thì bà hoàn toàn thống nhất với trình bày của ông H theo đơn khởi kiện. Hiện nay ông H thì ở Việt Nam, bà thì đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài, hợp đồng lao động của bà chưa hết thời gian nên không thể trở về Việt Nam được. Mặc dù hai bên vẫn còn liên lạc nhưng bà nhận thấy tình cảm mà hai bên dành cho nhau không còn nữa. Do đó, nay bà cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Anh T1 đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Công H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà Lê Thị Anh T1 đang làm việc và sinh sống tại Hàn Quốc, không có điều kiện về Việt Nam tham gia vụ kiện nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Huỳnh Công H và bà Lê Thị Anh T1 là ly hôn, nguyên đơn ông Huỳnh Công H có địa chỉ ở Việt Nam; bị đơn bà Lê Thị Anh T1 hiện đang sinh sống và có địa chỉ ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Công H và bà Lê Thị Anh T1 có xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố B và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 08/3/2016 nên hôn nhân giữa ông H và bà T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, sau khi kết hôn thì H và bà T1 chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm thì vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn; bà T1 phải sang Hàn Quốc xuất khẩu lao động. Bà T1 đi từ tháng 5/2018 cho đến nay không có về Việt Nam. Sự xa cách về địa lý khiến ông H không còn đủ tin tưởng để duy trì cuộc hôn nhân này. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Anh T1. Bà Lê Thị Anh T1 trình bày bà cũng thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của ông H; bởi bà cho rằng hiện nay cuộc hôn nhân giữa bà và ông H không còn hạnh phúc mà trở thành vướng bận cho cả hai trong đời sống riêng. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông H và bà T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông H yêu cầu ly hôn với bà T1 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc ông Công H yêu cầu ly hôn với bà Anh T1 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cả ông H và bà T1 đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T1 đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có sự tranh chấp thì các bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Huỳnh Công H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Huỳnh Công H và bà Lê Thị Anh T1.

1.1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Công H được ly hôn với bà Lê Thị Anh T1.

1.2 Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Ông Huỳnh Công H và bà Lê Thị Anh T1 thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Công H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008318 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Ông H đã nộp xong.

3. Ông Huỳnh Công H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND phường 7, tp.Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Hồng